

Số: 65/NQ-HĐND

Long Khánh, ngày 17 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố
và phân bổ thu, chi ngân sách phường, xã năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
KHÓA IV - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5038/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 của tỉnh Đồng Nai;

Xét Tờ trình số 2419/TTr-UBND ngày 14/12/2021 của UBND thành phố về xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố và phân bổ thu, chi ngân sách phường, xã năm 2022; Báo cáo số 2284/BC-UBND ngày 29/11/2021 về Kết quả ước thực hiện thu, chi ngân sách năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thành phố và tổng hợp các ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại buổi họp tổ và tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí với nội dung giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố và phân bổ thu, chi ngân sách phường, xã năm 2022 theo Tờ trình số 2419/TTr-UBND ngày 14/12/2021 của UBND thành phố với nội dung chính như sau:

1. Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022:

a. Dự toán thu ngân sách nhà nước (Đính kèm phụ lục số 1):

DVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN 2022	
		Tỉnh giao	HNND Thành phố giao
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)	403.683	434.412
I	THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (I.1 + I.2)	393.500	413.500
I.1	Thu nội địa (không tính tiền sử dụng đất)	273.500	280.500
1	Thu ngoài quốc doanh	110.000	110.000
	- Thuế TNDN	19.000	19.000
	- Thuế GTGT	84.300	84.300
	- Thuế tài nguyên	6.500	6.500
	- Thuế TTĐB	200	200
2	Lệ phí trước bạ	57.000	60.000
3	Thuế thu nhập cá nhân	63.000	66.000
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp - Thuế nhà đất	2.500	2.500
5	Thuế bảo vệ môi trường	2.000	2.000
6	Thu phí, lệ phí	15.000	16.000
	<i>Trong cân đối</i>	<i>8.500</i>	<i>8.500</i>
7	Thu khác thành phố	24.000	24.000
	<i>Các khoản thu cân đối</i>	<i>4.000</i>	<i>4.000</i>
I.2	Thu tiền sử dụng đất	120.000	133.000
II	THU TỪ NGUỒN NS ĐỊA PHƯƠNG	10.183	12.593
	- Thu học phí, dịch vụ (các đơn vị sự nghiệp tại địa phương)	10.183	12.593
III	THU TỪ NGUỒN THU CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP, DỊCH VỤ		8.319
	- Thu XHH giao thông - điện (cấp xã)		8.319
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)	822.728	844.353
I	THU CÂN ĐỐI NS (tính bổ sung) (I.1+I.2+I.3+I.4)	822.728	823.884
I.1	NHIỆM VỤ THU (không tính tiền SDD)	154.325	154.325
	Thu cân đối ngân sách thành phố	154.325	154.325
	- Các khoản thu hưởng 100%	78.500	78.500

	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	75.825	75.825
I.2	THU TỪ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (60%)	72.000	72.000
I.3	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH	590.293	590.293
1	Bổ sung cân đối	515.511	515.511
2	Bổ sung có mục tiêu (Nguồn XSKT)	74.782	74.782
I.4	THU TỪ NGUỒN NS ĐỊA PHƯƠNG	6.110	7.266
	- Thu học phí, dịch vụ (các đơn vị sự nghiệp tại địa phương)	6.110	7.266
II	THU TỪ NGUỒN THU CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP, DỊCH VỤ	0	8.319
	- Thu XHH giao thông - điện (cấp xã)		8.319
III	NGUỒN TĂNG THU (GIAO CAO HƠN DỰ TOÁN TỈNH GIAO)		12.150
1	Nguồn thu từ sử dụng đất		7.800
2	Thu cân đối ngân sách thành phố		<u>4.350</u>
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		4.350

b. Dự toán chi ngân sách thành phố: (Đính kèm phụ lục số 02, 03, 04, 05, 07, 09, 10, 11, 12)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán chi tỉnh giao	Dự toán chi HĐND TP giao
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B+C+D)	822.728	844.353
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (I+II+III)	675.946	677.102
I	Chi đầu tư phát triển	84.719	84.719
	Chi đầu tư từ nguồn vốn	84.719	84.719
	Chi đầu tư XDCB tập trung	84.719	84.719
	<i>Trong đó chi đầu tư từng lĩnh vực:</i>	-	-
1	Chi sự nghiệp kinh tế		
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo		14.000
3	Chi sự nghiệp văn hóa		4.650
4	Chi Quản lý hành chính		4.550
5	Chi Quốc phòng		1.800
6	Chi An ninh		100
7	Chi đầu tư khác		59.619

II	Chi thường xuyên	574.727	575.883
1	Chi sự nghiệp Môi trường	33.568	33.568
2	Chi sự nghiệp Giáo dục - đào tạo	255.072	248.795
3	Chi sự nghiệp khác	286.087	293.521
3.1	<i>Chi sự nghiệp kinh tế</i>		46.528
3.2	<i>Chi SN Văn hóa và Thông tin</i>		3.106
3.3	<i>Chi SN Thể Thao</i>		551
3.4	<i>Chi SN Phát thanh</i>		1.140
3.5	<i>Chi sự nghiệp Y tế (Bảo hiểm y tế cho học sinh)</i>		5.000
3.6	<i>Chi Quản lý hành chính</i>		45.775
3.7	<i>Chi Đảm bảo xã hội</i>		40.542
3.8	<i>Chi Quốc phòng</i>		9.055
3.9	<i>Chi An ninh</i>		1.533
3.10	<i>Chi ngân sách xã, phường</i>		111.686
3.11	<i>Chi khác ngân sách</i>		10.029
3.12	<i>Tiết kiệm 10% chi thường xuyên</i>		18.576
III	Dự phòng	16.500	16.500
1	Dự phòng ngân sách thành phố		14.203
2	Dự phòng ngân sách cấp xã		2.297
B	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN VỐN KHÁC (I+II)	146.782	146.782
I	Chi XDCB từ nguồn tiền sử dụng đất thành phố (60%)	72.000	72.000
	<i>trong đó: chi đầu tư từng lĩnh vực</i>		
1	Chi sự nghiệp kinh tế		5.600
2	Cho hỗ trợ các công trình XHH, SC các phường, xã và đơn vị		3.000
3	Chi đầu tư khác		63.400
II	Chi XDCB từ nguồn xổ số kiến thiết	74.782	74.782
	<i>trong đó: chi đầu tư từng lĩnh vực</i>		
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo		48.300
2	Chi đầu tư khác		26.482
C	CHI TỪ NGUỒN THU CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP, DỊCH VỤ		8.319
1	- Chi XHH giao thông - điện (cấp xã)		8.319
D	NGUỒN TẶNG THU (GIAO CAO HƠN DỰ TOÁN TÍNH GIAO, CHƯA PHÂN BỐ CHI)		12.150
1	Nguồn thu từ sử dụng đất		7.800
2	Thu cân đối ngân sách thành phố		4.350
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		4.350

2. Giao dự toán thu ngân sách, phân bổ chi thường xuyên ngân sách phường, xã năm 2022:

- Tổng thu ngân sách phường, xã: 52.005 triệu đồng (Đính kèm phụ lục số 06).
 - Tổng chi ngân sách phường, xã: 122.302 triệu đồng (Đính kèm phụ lục số 07).
- Đã trừ tiết kiệm 10%.

Trong đó:

- + Chi thường xuyên: 111.686 triệu đồng.
- + Xã hội hóa giao thông, điện: 8.319 triệu đồng.
- + Dự phòng ngân sách: 2.297 triệu đồng.

a. Thu trong cân đối:

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Thu Ngân sách	Tổng chi	Trong đó		Dự toán thu ngân sách	Trong đó	
				Chi thường xuyên (sau khi trừ tiết kiệm)	Dự phòng		Thu ngân sách được hưởng theo tỷ lệ	Thu bổ sung từ ngân sách thành phố
	Tổng cộng	52.005	113.983	111.686	2.297	113.983	10.700	103.283
1	Phường Xuân An	9.058	8.159	7.995	164	8.159	1.208	6.951
2	Phường Xuân Bình	5.998	7.300	7.153	147	7.300	718	6.582
3	Phường Xuân Hoà	6.360	7.379	7.230	149	7.380	810	6.569
4	Phường Xuân Thanh	3.588	7.422	7.273	149	7.422	613	6.809
5	Phường Xuân Trung	6.090	7.428	7.278	150	7.428	985	6.443
6	Phường Phú Bình	1.059	6.592	6.459	133	6.592	284	6.308
7	Phường Bảo Vinh	3.510	8.328	8.160	168	8.328	1.075	7.253
8	Phường Bàu Sen	1.083	7.111	6.968	143	7.111	283	6.828
9	Phường Suối Tre	3.844	7.831	7.673	158	7.831	734	7.097
10	Phường Xuân Lập	1.778	7.657	7.503	154	7.657	598	7.059
11	Phường Xuân Tân	2.592	7.367	7.218	149	7.367	622	6.745
12	Xã Bảo Quang	1.717	8.284	8.117	167	8.284	697	7.587
13	Xã Bàu Trâm	1.290	7.094	6.951	143	7.094	405	6.689
14	Xã Bình Lộc	1.925	8.039	7.877	162	8.039	725	7.314
15	Xã Hàng Gòn	2.113	7.992	7.831	161	7.992	943	7.049

b. Thu từ các khoản huy động, đóng góp:*ĐVT: triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán ngân sách
1	Thu XHH giao thông, XHH điện	8.319
2	Chi XHH giao thông, XHH điện	8.319

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2022.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Long Khánh khóa IV - kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh Đồng Nai;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Các Ban HĐND tỉnh Đồng Nai;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- CT, PCT UBND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- UBMTTQ VN thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố;
- Tòa án nhân dân thành phố;
- Cơ quan, đơn vị thành phố;
- Thường trực HĐND và UBND các phường, xã;
- Chánh, Phó VP;
- Lưu: VT, TH (HĐND).

CHỦ TỊCH**Hồ Văn Nam**